TUẦN 7

Tiếng Việt (Tăng)

**Luyện tập: Từ có nghĩa giống nhau**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố cho HS nhận biết từ ngữ có nghĩa giống nhau; đặt câu với những từ này.

- Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết sắp xếp các từ gióng nhau, luyện tập viết đúng, đẹp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và vận dụng làm bài: Biết trao đổi, nhận xét bài tập của mình với bạn

**3. Phẩm chất**

**-**  Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài tập, rèn tính cẩn thận.

**-** Phẩm chất trách nhiệm: Nghiêm túc trong giờ học, giữ trật tự, hòa đồng với mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Đố bạn: Bạn đầu tiên đưa 1 từ bất kì, mời các bạn khác tìm các từ có nghĩa giống với từ đó. 2. - Tổ chức nhận xét, tuyên dương. 3. - GV dẫn dắt, giới thiệu bài. 4. Luyện tập:   Bài 1: Nỗi những từ cùng nhóm lại với nhau.   |  |  | | --- | --- | | Chăm chỉ  Con ngan  Củ sắn  Củ lạc | Cần cù  Vịt xiêm  Siêng năng  Chịu khó  Củ mì  Đậu phộng |   - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.   |  |  | | --- | --- | | *Chăm chỉ*  *Con ngan*  *Củ sắn*  *Củ lạc* | *Cần cù*  *Vịt xiêm*  *Siêng năng*  *Chịu khó*  *Củ mì*  *Đậu phộng* |   Bài 2: Tìm những từ giống nghĩa với các từ sau:  a, Dũng cảm: ..........................................  b, Hiền lành:...........................................  - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS thảo luận nhóm 4 để làm bài.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  *a, Dũng cảm, gan dạ, anh dũng, anh hùng, kiên cường, bất khuất, ...*  *b, Hiền lành, hiền dịu, hiền từ, hiền hậu, dịu hiền, ...*  3. Vận dụng:  Bài 3: Viết một vài câu về chủ đề tự chọn trong đó có dùng các từ có nghĩa giống nhau ở bài tập 1 hoặc bài tập 3.  - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Cho 1 HS làm mẫu trước lớp.  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  *GV chốt: Khi viết câu cần lưu ý diễn đạt một ý trọn vẹn. Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.*  - Tiết học hôm nay đã củng cố cho các em những nội dung gì?  - Nêu lại những nhóm từ có nghĩa giống nhau mà em đã tìm được trong tiết học này?  - Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS chơi trước lớp.  VD:  HS1: thời tấm bé  HS2: thuở bé  HS3: hồi bé  HS4: thuở nhỏ ....  - Lớp thảo luận, nhận xét.  - 1 - 2 HS nêu yêu cầu bài.  - HS thảo luận cặp đôi.  - Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.  - 1- 2 HS nêu yêu cầu bài.  - HS thảo luận theo điều hành của nhóm trưởng.  - Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.  - 1- 2 HS nêu yêu cầu bài.  - 1 HS đặt câu trước lớp:  *Nhà em nuôi một đàn ngan rất dễ thương. Con vật này ở miền Nam người ta còn gọi là vịt xiêm. Thịt ngan rất thơm ngon, cả nhà em đều thích.*  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - Một số HS báo cáo kết quả trước lớp, lớp nhân xét.  - HS nêu trước lớp.  - Vài HS nêu |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (Tăng)

**Luyện tập về câu hỏi**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn luyện về câu hỏi: Nhận biết được câu hỏi biết đặt câu hỏi.

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

- Tổ chức cho HS hỏi đáp trước lớp:

|  |  |
| --- | --- |
| Em hãy hỏi đặt một câu hỏi cho bạn của mình để hỏi điều em muốn biết về bạn.  - Câu hỏi dùng để làm gì? Khi viết, cuối câu dùng dấu câu gì?  - Tổ chức nhận xét, tuyên dương.  \* GV chốt: *Câu hỏi dùng để hỏi điều mình muốn biết. Khi viết, cuối câu dấu chấm hỏi.* | - Nhiều HS nối tiếp đặt câu  VD:  - Hôm nay ai đưa bạn Lan đi học?  Hôm nay mẹ đưa bạn tôi đi học.  - Bạn Mai thích học môn nào nhất?  Tôi thích học môn Toán nhất.  - Lớp thảo luận, nhận xét  - Câu hỏi dùng để hỏi điều chưa biết. Cuối câu dùng dấu chấm hỏi. |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Khoanh vào chữ cái trước câu hỏi trong các câu dưới đây:  a. Con đang làm gì?.  b. Bạn Tùng phải chăm chỉ học hành hơn!  c. Bà có đi chợ không?  d. A, bầu trời đẹp quá! | |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng. | - 1-2 HS nêu yêu cầu bài.  - HS thảo luận cặp đôi.  - Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.  *Câu a và câu c là câu hỏi.* |
| *\* GV chốt cách nhận biết dựa vào đặc điểm của câu hỏi: Dùng để hỏi điều chưa biết, cuối câu có dấu hỏi chấm.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 2:** Chuyển các câu sau thành câu hỏi:  a. Nam đi học.  b. Giang phấn đấu học giỏi.  c. Ngân rất chăm chỉ học bài. | |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS thảo luận nhóm 4 để làm bài.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.  - Muốn chuyển câu kể thành câu hỏi ta làm thế nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. Nam có đi học *không?*  b. Giang phấn đấu học giỏi phải không?  c. Ngân *có* chăm chỉ học bài không?  - HS nêu: ta thêm từ để hỏi vào câu đó cho phù hợp và cuối câu dùng dấu chấm hỏi. |
| *\*GV chốt: Muốn chuyển câu kể thành câu hỏi ta thêm từ để hỏi vào câu đó cho phù hợp và cuối câu dùng dấu chấm hỏi.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 3:** Hãy đặt 3 câu hỏi tương ứng với 3 tình huống sau:  a. Em hỏi cô giáo em bao nhiêu tuổi.  b. Em hỏi mẹ đã mua cặp sách mới cho mình chưa?  c. Em hỏi về ngày sinh nhật của bạn. | |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - Tổ chức báo cáo, nhận xét.  \*GV chốt: *Khi đặt câu hỏi cho người lớn, ngoài việc dùng đúng từ để hỏi và cuối câu có dấu chấm hỏi thì em cần lưu ý dùng thêm từ “ạ” ở cuối câu để thể hiện sự lễ phép.* | - HS nêu yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Cô ơi, năm nay cô bao nhiêu tuổi ạ?  b. Mẹ đã mua cặp sách mới cho con chưa ạ?  c. Sinh nhật của bạn vào thời gian nào vậy?  - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt( Tăng)

**Luyện tập: Kể chuyện em và người thân**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn kể về chuyện em và người thân. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp, đoạn văn khoảng 7 - 8 câu.

- Phát triển năng lực văn học: Viết được đoạn văn có hình ảnh, cảm xúc.

**2. Năng lực chung**

- Lắng nghe, tích cực luyện tập, trình bày đúng.

- Biết nhận xét, trao đổi về cách viết của bạn.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác viết bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và phòng chống thương tích cho thân thể khỏe mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

- Bảng phụ ghi gợi ý.

- Máy chiếu, tivi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động:  - GV mở bài hát “Cả nhà thương nhau”.  + Cho HS lắng nghe bài hát.  + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.  - Nhận xét, giới thiệu bài.  2. Luyện tập:  *Đề bài: Viết đoạn văn kể về việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay, lẽ phải.*  Bước 1: Chuẩn bị viết bài:  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  + Bài yêu cầu các em viết về chuyện gì?  + Chia sẻ những nội dung em sẽ chọn để viết trong đoạn văn?  - GV nhận xét, khen ngợi HS. Nhắc HS hãy kể lại cụ thể một trong các việc đó theo gợi ý sau:  *+ Câu chuyện xảy ra khi nào?*  *+ Cha mẹ (người thân) đã khuyên bảo em những gì?*  *+ Em đã nghe lời khuyên bảo của cha mẹ (người thân) thế nào?*  *+ Việc làm đó mang lại lợi ích gì cho bản thân em?*  *+ Qua việc làm của em, thái độ của cha mẹ (người thân) thế nào?*  - GV chiếu gợi ý, gọi HS đọc  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nói miệng cho nhau nghe theo gợi ý  - GV mời 2-3 HS nói trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá  Bước 2: Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  Bước 3: Giới thiệu đoạn văn.  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý, cách trình bày đoạn văn.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải.  - GV khen ngợi những đoạn viết thú vị, trôi chảy, có cảm xúc.  3. Vận dụng  - Em biết được điều gì qua bài viết của các bạn?  - GV nhận xét, khen ngợi HS. Giáo dục HS biết yêu quý bản thân, yêu quý người thân và những người xung quanh, biết làm nhiều việc tốt và học theo điều hay, lẽ phải.  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe bài hát.  - Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát.  - 1- 2 HS đọc yêu cầu bài.  + Viết đoạn văn kể về việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay, lẽ phải.  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  + Bố mẹ khuyên em nên chăm chỉ học hành để đạt kết quả học tập tốt.  + Bố mẹ khuyên em nên sẵn lòng giúp bạn lúc khó khăn.  + Bố mẹ khuyên em làm nhiều việc tốt.  + Bố mẹ khuyên em không nên vì thua kém bạn mà xấu hổ hay nản lòng.  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc to, lớp theo dõi  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - Một vài HS trình bày trước lớp,  - HS lắng nghe, đánh giá.  - HS viết bài cá nhân vào vở ôli.  - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét.  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, thực hiện. |

*Đoạn văn tham khảo*

Một câu chuyện vè việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay lẽ phải.

Em nhớ hôm đó là ngày sơ kết học kì I của năm lớp 2, cô giáo đọc kết quả học tập cho chúng em nghe. Em nghe đến tên mình và bật khóc vì kết quả học tập của em chưa tốt, thua rất nhiều bạn. Em ra về trong sự ngượng ngùng và xấu hổ. Bố mẹ biết chuyện, không những bố mẹ không mắng mà còn động viên em. Bố em nói rằng: “Thua bạn là chuyện bình thường, chỉ cần con luôn cố gắng, luôn tự tin, con sẽ tiến bộ và bố mẹ luôn tự hào về con”. Điều đó làm cho em cảm thấy rất ấm áp và có động lực để cố gắng. Và điều tốt đẹp đã đến với em, cuối năm học đó em được cô giáo tuyên dương vì có tiến bộ vượt trội. Em rất vui và luôn thầm cảm ơn bố mẹ vì bố mẹ luôn dành cho em tình thương vô bờ và dạy em bao điều hay, lẽ phải.